TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST Ngày: 12-6-2024 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.
- Ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc: "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn Lạc 1, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn A, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
Hiện đang chấp hành án tại Đội 13, Phân trại 1, Trại giam Yên Hạ. Địa chỉ: xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2024, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Chị Trương Thị H trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và Anh Ngô Văn H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn vào ngày

11/11/2008 tại Uỷ ban nhân dân(UBND) xã Gi, huyện N. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại Thôn A, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên anh chị chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, nguyên nhân chính là do anh Hchơi bời sa ngã vào con đường tệ nạn xã hội. Năm 2015 anh Hbị bắt về tội ma túy và phải đi chấp hành án hơn 14 năm tại trại giam Yên Hạ ở tỉnh Sơn La. Nay chị muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Hđể ổn định cuộc sống riêng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hạnh.

Về con chung: Chị Hxác định chị và anh Hcó 02 con chung là các cháu Ngô Văn H sinh ngày 06/5/2009, cháu Ngô Văn Tsinh ngày 25/11/2012. Hiện cả hai cháu đang ở với chị. Chị xin được tiếp tục nuôi cả hai cháu, do điều kiện anh Hđang chấp hành án nên chị không yêu cầu anh Hcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn Anh Ngô Văn H: Anh xác định thời gian kết hôn và chung sống như chị Htrình bày là đúng. Nay chị Hxin ly hôn với anh thì anh cũng hoàn toàn nhất trí. Về con chung: Anh xác định có 02 con chung là các cháu Ngô Văn H sinh ngày 06/5/2009, cháu Ngô Văn Tsinh ngày 25/11/2012. Hiện cả hai cháu đang ở với chị Hậu. Anh đồng ý cho chị Htiếp tục nuôi cả hai cháu. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không có ý kiến gì.

Ý kiến cháu Ngô Văn H và Ngô Văn T: Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu xin ở với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết theo quy định. Do bị đơn không thể tham gia các phiên hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là*"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trương Thị H. Xử ly hôn giữa Chị Trương Thị H và Anh Ngô Văn H.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao các cháu Ngô Văn H sinh ngày 06/5/2009, cháu Ngô Văn Tsinh ngày 25/11/2012 cho chị Htiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Anh Ngô Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hương.

3. Về án phí ly hôn: Chị Trương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Hvà anh Hlà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, nguyên nhân chính là do anh Hchơi bời, sa vào tệ nạn xã hội phải đi chấp hành án, hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Anh Hcũng đồng ý ly hôn với chị Hậu. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hvới anh Hlà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị Hvà anh Hcó 02 con chung là các cháu Ngô Văn H sinh ngày 06/5/2009, cháu Ngô Văn Tsinh ngày 25/11/2012. Hiện cả hai cháu đang ở với chị Hậu. Nguyện vọng của chị Hxin được tiếp tục nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Hcấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Hkhỏe mạnh, có thu nhập, anh Hđang phải chấp hành không đảm bảo các điều kiện nuôi con. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định cho cháu cũng như nguyện vọng của các bên nên tiếp tục giao cháu Ngô Văn H và Ngô Văn Tcho chị Htiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không có yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị H phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho Chị Trương Thị H ly hôn với Anh Ngô Văn H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao các cháu Ngô Văn H sinh ngày 06/5/2009, Ngô Văn Tsinh ngày 25/11/2012(Hiện cả hai cháu đang ở với chị H) cho chị Htiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

2.2. Anh Ngô Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Trương Thị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hđã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001198 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Gi;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH